

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN G  
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/ HNGĐ-ST  
Ngày: 03 tháng 02 năm 2021  
V/v “Yêu cầu ly hôn, tranh chấp  
nuôi con chung”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH GIA LAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Văn Đính

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Nguyễn Thị Mỹ

2. Ông Nguyễn Như Quang

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Vương Tấn Lập - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:** Ông Lê Đình Hợp - Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 70/2020/TLST-DS ngày 06 tháng 7 năm 2020, về việc “Yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phan Thị Thúy N. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện G, tỉnh Gia Lai.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Hữu T. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện G, tỉnh Gia Lai.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

1. Nguyên đơn Phan Thị Thúy N bày:

Về hôn nhân: Chị Phan Thị Thúy N và anh Nguyễn Hữu T tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 10-01-2017 tại Ủy ban nhân dân xã Ia Tô, huyện G, tỉnh Gia Lai. Trong thời gian chung sống với nhau vợ chồng hay nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T hay đi uống rượu, bia về nhà đánh chửi chị N, không có trách nhiệm chăm lo cho gia đình và ngoại tình với người khác. Chị N cũng đã khuyên ngăn nhiều lần nhưng không được. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 5-2020 đến nay. Chị N thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, hôn nhân không thể tiếp tục kéo dài, không còn khả năng đoàn tụ nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị Phan Thị Thúy N và anh Nguyễn Hữu T có 01 con chung là cháu Nguyễn Phan a, sinh ngày 02-5-2017. Ly hôn, chị N có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu A cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên nhưng mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Chị N hiện làm nghề giáo viên mầm non và thợ trang

điểm có thu nhập khoảng 7.000.000 đồng/tháng, có đủ khả năng chăm sóc, giáo dục con nên không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản chung: Chị Phan Thị Thúy N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

## 2. Bị đơn Nguyễn Hữu T trình bày:

Về hôn nhân: Anh Nguyễn Hữu T và chị Phan Thị Thúy N tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 10-01-2017 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Gia Lai như chị N trình bày là đúng. Anh T không hay đi uống rượu, bia về nhà đánh chửi chị N và ngoại tình với người khác như chị N trình bày. Mâu thuẫn vợ chồng chủ yếu do bất đồng quan điểm và chị N không tin tưởng anh T chị N đã bỏ nhà đi và vợ chồng đã sống ly thân từ khoảng tháng 5-2020 đến nay. Anh T thấy vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, tình cảm không còn và không còn khả năng đoàn tụ nên đồng ý ly hôn với chị N.

Về con chung: Anh Nguyễn Hữu T và chị Phan Thị Thúy N có 01 con chung là cháu Nguyễn Phan A, sinh ngày 02-5-2017. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn, anh T không đồng ý giao con cho chị N nuôi dưỡng. Anh T có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu An cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên nhưng mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Anh T hiện làm nghề buôn bán có thu nhập ổn định khoảng 7.000.000 đồng/tháng, có đủ khả năng để nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con theo nguyện vọng và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Hiện chị N không có việc làm, thu nhập và chỗ ở ổn định nên theo anh T nếu giao con cho chị N nuôi dưỡng sẽ không bảo đảm quyền lợi mọi mặt của con.

Về chia tài sản chung: Anh Nguyễn Hữu T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Trong quá trình giải quyết vụ án, đương sự đã giao nộp và Tòa án đã thu thập các tài liệu, chứng cứ gồm: Trích lục kết hôn số 03/TLKH-BS ngày 06-6-2020; 01 Trích lục khai sinh số 128/TLKS-BS; Bản tự khai ngày 20-8-2020 của anh T; Biên bản xác minh của Tòa án.

4. Phát biểu ý kiến, đại diện Viện kiểm sát khẳng định trong quá trình giải quyết vụ án những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật; Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử cũng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng kể từ khi bắt đầu phiên tòa cho đến trước khi nghị án; Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị N và anh T; giao con chung là cháu Nguyễn Phan A, sinh ngày 02-5-2017 cho chị N trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi thành niên.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn phù hợp với quy định của pháp luật, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại các Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết. Trong quá trình giải quyết vụ án những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Chị Phan Thị Thúy N và anh Nguyễn Hữu T tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 10-01-2017 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Gia Lai. Chị N và anh T kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và có đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp. Hội đồng xét xử thấy rằng, trong thời gian sống chung chị N và anh T không thực sự hạnh phúc do bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng cũng

đã ly thân, không sống cùng nhau từ khoảng tháng 5-2020 đến nay, chị N không còn tình cảm với anh T và anh T đồng ý ly hôn với chị N. Như vậy, có đủ căn cứ để khẳng định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh T đã quá trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ nên Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn của chị N và anh T.

[3] Về con chung: Chị Phan Thị Thúy N và anh Nguyễn Hữu T có 01 con chung là cháu Nguyễn Phan A, sinh ngày 02-5-2017. Xét yêu cầu về con chung, Hội đồng xét xử thấy rằng chị N và anh T đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con. Tuy nhiên, từ thời điểm chị N và anh T sống ly thân đến nay, cháu A đang sống ổn định cùng chị N và được đi học đầy đủ, chị N không có hành vi gì làm ảnh hưởng đến quyền lợi mọi mặt của con. Đồng thời, xem xét về điều kiện kinh tế của cả chị N và anh T, Hội đồng xét xử thấy rằng cả chị N và anh T đều có việc làm và thu nhập ổn định. Tuy nhiên, hiện nay cháu An còn nhỏ đang sống với mẹ và cần sự chăm sóc từ mẹ nhiều hơn. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu được trực tiếp tục nuôi con của chị N là hoàn toàn chính đáng, có căn cứ và không chấp nhận yêu cầu được nuôi con của anh T.

Chị Phan Thị Thúy N không yêu cầu anh Nguyễn Hữu T cấp dưỡng nuôi con, đây là quyền tự định đoạt của đương sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về chia tài sản chung: Chị Phan Thị Thúy N và anh Nguyễn Hữu T đều không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Phan Thị Thúy N là người khởi kiện yêu cầu ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch về việc ly hôn.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Áp dụng các Điều 144, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Áp dụng các Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.
- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

#### **1. Về hôn nhân:**

Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phan Thị Thúy N và anh Nguyễn Hữu T.

#### **2. Về con chung:**

Giao con chung của chị Phan Thị Thúy N và anh Nguyễn Hữu T là cháu Nguyễn Phan A, sinh ngày 02-5-2017 cho chị Phan Thị Thúy N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi thành niên hoặc đã thành niên mà mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

3. Về án phí: Buộc chị Phan Thị Thúy N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng

(Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0006061 ngày 03-7-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Gia Lai. Chị Phan Thị Thúy N đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo Bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- Các đương sự;
- UBND xã Ia T;
- Lưu VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(ĐÃ KÝ)**

**Lê Văn Đính**